

# BA MƯƠI NĂM QUAN HỆ CỦA UKRAINE VÀ VIỆT NAM VỚI CHÂU ÂU-ĐẠI TÂY DƯƠNG: CƠ HỘI THỨC ĐẨY QUAN HỆ VIỆT NAM - UKRAINE

Nguyễn Anh Tuấn\*

**Tóm tắt:** Ngày 24/8/1991, Hội đồng tối cao<sup>1</sup> nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Ukraine (SSRU) ra tuyên bố thành lập nhà nước Ukraine độc lập. Ngay sau đó, ngày 23/1/1992, Việt Nam và Ukraine đã chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao. Trải qua 30 năm tồn tại và phát triển, với nhiều biến động bất ngờ và phức tạp xảy ra trên thế giới, Ukraine đã cố gắng nỗ lực hoạch định và thực thi chính sách đối ngoại hiệu quả để phát triển đất nước cũng như khẳng định vị thế trên trường quốc tế. Trong tiến trình đó, quan hệ giữa Ukraine với châu Âu-Đại Tây Dương không ngừng được củng cố và mở rộng, và điều này đã có tác động thúc đẩy quan hệ Việt Nam - Ukraine trong bối cảnh Việt Nam cũng không ngừng cải thiện và thúc đẩy quan hệ với Châu Âu-Đại Tây Dương.

**Từ khóa:** Châu Âu - Đại Tây Dương, Ukraine, Việt Nam, quan hệ Việt Nam - Ukraine

**Abstract:** On 24 August 1991, the Supreme Soviet of the Ukrainian Soviet Socialist Republic adopted the Declaration of Independence of Ukraine, reestablishing Ukraine's state independence. Shortly thereafter, on 23 January 1992, Viet Nam and Ukraine established formal diplomatic relations. Over thirty years of progress, as unpredictable and complex developments arise in the world, Ukraine has been making an effort to chart and navigate an effective diplomatic course for national development and to raise its global profile. This process saw relations between Ukraine and the Europe-Atlantic steadily improving and broadening. This has lent momentum to the relations between Viet Nam and the Ukraine, as Viet Nam is also tirelessly improving and advancing its relations with the Europe-Atlantic.

**Keywords:** Europe-Atlantic, Ukraine, Vietnam, Vietnam - Ukraine relations

---

\* PGS.TS., Học viện Ngoại giao, nguyên Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Việt Nam tại Ukraine (2017 - 2020)

Nhận bài ngày: 21/1/2022

Phản biện xong: 28/1/2022

Chấp nhận đăng: 18/2/2022

<sup>1</sup> Được đổi tên thành Quốc hội Ukraine hay Verkhovna Rada từ ngày 12/9/1991.

## 1. Khái quát quan hệ của Ukraine với châu Âu-Đại Tây Dương

Khi tiếp nhận trong trách làm Tổng thống đầu tiên của Ukraine, ông Leonid Kravchuk muốn hoạch định và thực thi chính sách đối ngoại khéo léo, tách ra khỏi Liên Xô (cũ) một cách hòa bình, không có chiến tranh với Nga, duy trì quan hệ hữu nghị, hòa bình với các nước trong khu vực. Để hoàn thành nhiệm vụ đó, Tổng thống Kravchuk cùng những người đồng cấp của các nước Cộng hòa thuộc Liên Xô (cũ) hình thành Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG)<sup>2</sup> và chính thức tuyên bố sự tan rã của Liên Xô. Cùng với đó là việc Tổng thống Kravchuk và Boris Yeltsin bắt đầu quá trình phân chia Hạm đội Biển Đen chung ở Crimea.

Song song với quá trình đó, kể từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX, dưới thời của Tổng thống Kravchuk, Ukraine đã xây dựng mối quan hệ với các nước và tổ chức châu Âu. Ngay sau khi Ukraine trở thành một quốc gia độc lập, quan hệ giữa Ukraine và NATO từ đối đầu chuyển thành quan hệ hợp tác và được chính thức thiết lập vào năm 1992, theo đó Ukraine trở thành thành viên của Hội đồng hợp tác Bắc Đại Tây Dương (North Atlantic Cooperation Council-NACC)<sup>3</sup>. Sau đó, vào tháng 2/1994, Ukraine

là quốc gia đầu tiên trong số các quốc gia SNG tham gia chương trình Đối tác vì hòa bình của NATO (NATO's Partnership for Peace Programme) và sớm cho thấy sẵn sàng tham gia hệ thống an ninh châu Âu-Đại Tây Dương (Euro-Atlantic), hỗ trợ các hoạt động của NATO tại Balkan vào những năm 1990. Từ năm 1992, Ukraine là thành viên của OSCE. Ukraine nộp đơn xin tham gia Hội đồng Nghị viện của Ủy hội Châu Âu (Parliamentary Assembly of the Council of Europe - PACE) vào năm 1992 và cuộc họp đối thoại chính trị đầu tiên giữa Ukraine và PACE được tiến hành vào 14/7/1993, sau đó Ukraine đã trở thành thành viên chính thức của tổ chức này vào năm 1995.<sup>4</sup>

Ngày 20 tháng 12 năm 1991 để cải thiện quan hệ giữa NATO và các nước không thuộc khối NATO ở châu Âu và sau này là cả những bộ phận của châu Á ở ngoại vi châu Âu. Các quốc gia gặp nhau để hợp tác và đi đến một loạt các vấn đề chính trị và an ninh. Cũng trong ngày 20 tháng 12 năm 1991, cuộc họp đầu tiên của NACC đã được NATO tổ chức giữa NATO, các quốc gia Đông Âu và Liên Xô. Gần cuối cuộc họp. Đại sứ Liên Xô nhận được một thông báo Liên Xô đang tan rã và sẽ chấm dứt tồn tại vào ngày hôm sau. Đại sứ Liên Xô lưu ý rằng tại thời điểm đó, ông chỉ đại diện cho Liên bang Nga và không còn là Liên bang Xô viết. NACC hoạt động cùng với cùng với tổ chức Đối tác vì Hòa bình (the Partnership for Peace-PfP), được thành lập vào năm 1994. Từ năm 1997, NACC được đổi tên thành Hội đồng đối tác Châu Âu-Đại Tây Dương (Euro-Atlantic Partnership Council-EAPC). EAPC có 50 thành viên, 30 quốc gia là thành viên NATO và 20 nước đối tác.

<sup>4</sup> Ukraine có đơn xin gia nhập Hội đồng Nghị viện của Ủy hội Châu Âu (Parliamentary Assembly of Council of Europe -PACE) vào ngày 14/7/1992. Ủy hội Châu Âu có hai cơ quan: (i) Hội đồng Nghị viện gồm đại diện các lực lượng chính trị (phe đa số và phe thiểu số đối lập) trong các nước thành viên; và (ii) Ủy ban Bộ trưởng (the Committee of Ministers) gồm các bộ trưởng ngoại giao của các nước thành viên, thường do các thủ trưởng đại diện của họ dự họp. Hội đồng Nghị viện có tổng cộng 642 thành viên - 321 thành viên

<sup>2</sup> Theo Ukraine, do SNG được tạo ra một cách vội vàng và để bù đắp cho sự sụp đổ của Liên Xô, nên Ukraine không trở thành thành viên chính thức, mà chỉ là thành viên liên kết của SNG, sau đó từ ngày 12/12/2018 đã rút ra khỏi các tổ chức do Nga dẫn dắt, kể cả SNG.

<sup>3</sup> Hội đồng Hợp tác Bắc Đại Tây Dương (NACC) là một diễn đàn đa phương do NATO thiết lập vào ngày

Dưới thời Tổng thống Kuchma, Ukraine tiếp tục thúc đẩy và đi đến ký kết *Bản ghi nhớ Budapest về bảo đảm an ninh* (Budapest Memorandum on Security Assurances) vào năm 1994 giữa Nga, Mỹ, Anh và Ukraine, theo đó Ukraine phải loại bỏ hàng nghìn đầu đạn hạt nhân ở nước mình, còn ba nước Mỹ, Anh và Nga cam kết sẽ không bao giờ sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng dùng vũ lực để chiếm đóng hay vi phạm độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Ukraine, không bao giờ thi hành chính sách kinh tế để khống chế Ukraine vì lợi ích của mình. Chính Bản ghi nhớ này đã cho phép Ukraine bắt đầu thiết lập quan hệ xây dựng với phương Tây và cho phép nhận tài trợ từ phương Tây.

Năm 1997, quan hệ Ukraine-NATO đã vượt qua một cấp độ mới về chất, theo đó Hiến chương về mối quan hệ đặc biệt giữa NATO-Ukraine (Charter on the Distinctive Partnership between NATO and Ukraine) đã được ký kết, xác định cam kết chung của các bên trong việc thiết lập các giá trị dân chủ ở Trung và Đông Âu và hợp tác chặt chẽ hơn giữa Ukraine và NATO. Theo Hiến chương này, Ủy ban NATO-Ukraine (NATO-Ukraine Commission) đã được thành lập vào tháng

---

chính và 321 người dự khuyết - là các đại diện của mỗi nước thành viên của Ủy hội Châu Âu. Quy mô của mỗi nước quyết định số đại biểu và số phiếu của nước đó (Ukraine có 12 thành viên). Điều này trái với lượng thành phần của Ủy ban Bộ trưởng, trong đó mỗi nước chỉ có một đại diện và một phiếu (Xem: Parliamentary Assembly of Council of Europe -PACE, 1995, *Application by Ukraine for membership of the Council of Europe*, PACE-Opinion 1995).

7/1997. Hợp tác giữa hai bên ngày càng trở nên sâu sắc với việc Ukraine tham gia một số chiến dịch quân sự do NATO khởi xướng ở Nam Tư cũ. Năm 1997, trung tâm Thông tin và tư liệu của NATO đầu tiên ở Trung Âu được khai trương tại Kiev. Hiệp định Đối tác và Hợp tác giữa Ukraine và Liên minh Châu Âu bắt đầu có hiệu lực từ năm 1998, đánh dấu sự khởi đầu hợp tác trong một loạt các vấn đề chính trị, thương mại, kinh tế và nhân đạo.<sup>5</sup> Trên cơ sở đó, vào tháng 11 năm 1998, một chương trình hợp tác giữa Ukraine và NATO đã được phê duyệt cho đến năm 2001, bao gồm hợp tác trong các lĩnh vực quân sự, chính trị, môi trường, thông tin và không gian, cũng như cuộc chiến chống khủng bố và buôn bán ma túy.

Trong cuộc bầu cử Tổng thống tiếp theo vào năm 1999, Kuchma đã giành chiến thắng với tư cách là Tổng thống thân phương Tây. Năm 2000, lần đầu tiên trong lịch sử NATO, cuộc họp thường niên của cơ quan chính trị chính của NATO được tổ chức bên ngoài các quốc gia thành viên NATO, và ở chính thủ đô Kiev của Ukraine. Vào tháng 5 năm 2002, Ukraine đã công bố về sự lựa chọn châu Âu, con đường theo hướng này đã dự tính những cải cách để đảm bảo đạt được các tiêu chuẩn phát triển của châu Âu. Cũng trong thời gian này, trước khi bắt đầu một đợt sóng thứ hai của NATO mở rộng về phía Đông, Hội đồng

---

<sup>5</sup> Xem: European Union (EU), 1998, *Partnership and Cooperation Agreement between the European Communities and their Member States, and Ukraine*, Official Journal of the European Communities.

Quốc phòng và An ninh Quốc gia Ukraine do Tổng thống Leonid Kuchma chủ trì, đã kêu gọi sửa đổi chính sách phi khối để ủng hộ tiến trình này, mục tiêu cuối cùng là Ukraine trở thành thành viên đầy đủ của NATO.

Tiếp đó, vào tháng 7 năm 2002, Hội nghị thượng đỉnh Ukraine-EU đã diễn ra, trong đó vấn đề chính được bàn thảo là trao cho Ukraine vị thế của một quốc gia có nền kinh tế thị trường và thành viên liên kết trong EU. Tuy nhiên, trong Hội nghị thượng đỉnh này, EU lưu ý rằng Ukraine chưa đáp ứng các tiêu chuẩn của EU và không nằm trong danh sách các quốc gia sẽ gia nhập EU vào năm 2004 hoặc 2007. Ngày 9 tháng 7 năm 2002, trong khuôn khổ chương trình “*Đối tác vì hòa bình*”, Ukraine và NATO đã ký một bản ghi nhớ về việc hỗ trợ cho các hoạt động của NATO cho Ukraine. Một năm sau (2003), Ukraine ủng hộ các hoạt động của Mỹ và NATO tại Iraq bằng cách gửi một lữ đoàn lực lượng vũ trang của mình tới khu vực.

Tại hội nghị thượng đỉnh nhằm mở rộng NATO vào tháng 11 năm 2002, Tổng thống Kuchma tuyên bố Ukraine mong muốn gia nhập NATO. Hai bên đã chấp thuận Kế hoạch hành động NATO-Ukraine (NATO-Ukraine Action Plan) nhằm tăng cường quan hệ và giúp Ukraine trong các nỗ lực cải cách để có thể hội nhập đầy đủ vào các thể chế của Euro-Atlantic. Với việc thông qua Kế hoạch hành động NATO-Ukraine nói trên, mối quan hệ của Ukraine

với NATO đã được củng cố và trong khuôn khổ của kế hoạch này, Kế hoạch mục tiêu hàng năm của Ukraine-NATO đã được phát triển. Cũng trong thời gian này, Tổng thống Ukraine Leonid Kuchma kêu gọi Liên minh Châu Âu xác định vị trí và vai trò của Ukraine ở châu Âu trong tương lai. Theo ông, Ukraine không thể sống trong điều kiện không chắc chắn. Tuy nhiên, Chủ tịch Ủy ban Châu Âu Romano Prodi nói rằng Ukraine không có chỗ trong EU mở rộng vào thời gian đó.

Mặc dù vậy, năm 2003, Leonid Kuchma đặt mục tiêu là phải ký được một tuyên bố về sự liên kết của Ukraine với EU và do đó chính thức bắt đầu quá trình hội nhập châu Âu. Trong Hội nghị thượng đỉnh Ukraine-EU tại Cung điện Livadia ở Yalta (tháng 10 năm 2003), các nền tảng đã được đặt ra cho một mối quan hệ tương lai của Ukraine với Liên minh Châu Âu. Và năm 2003, Ukraine đã được EU công nhận là “*quốc gia láng giềng EU*”. Năm 2004, Ukraine bắt đầu thực hiện kế hoạch “Chương trình hội nhập châu Âu”, khi đó dự tính hoàn thành vào năm 2015 để nhằm tạo điều kiện gia nhập EU. Năm 2004, Ủy ban Châu Âu đã thông qua kế hoạch hành động EU-Ukraine để tăng cường hợp tác, đặc biệt, trong các lĩnh vực như năng lượng, giao thông, môi trường và tạo thuận lợi cho thị thực. Ngày 6 tháng 4 năm 2004, Verkhovna Rada của Ukraine đã thông qua Luật về quyền tự do của lực lượng NATO được vào lãnh thổ Ukraine.

Với thắng lợi của cách mạng Cam vào cuối năm 2004, chính quyền Tổng thống Yushchenko đã đưa ra các ưu tiên chính sách đối ngoại thân phương Tây rõ ràng hơn, theo đó Ukraine: (i) Quyết tâm tiến hành hội nhập châu Âu- Đại Tây Dương với mục tiêu trở thành thành viên của EU và NATO và nó trở thành một đường lối đối ngoại nhất quán để tăng cường an ninh, phát triển kinh tế, thúc đẩy các giá trị dân chủ, nhân quyền và tự do của đất nước; (ii) Phát triển quan hệ đối tác chiến lược với Mỹ, theo đó Ukraine nhận được sự ủng hộ của Mỹ đối với việc gia nhập NATO, WTO; (iii) Tăng cường quan hệ láng giềng và phát triển quan hệ kinh tế tốt với các nước khác, nhất là các nước châu Á-TBD; (iv) Xây dựng chính sách khu vực, chủ yếu ở khu vực Biển Đen; (v) Quyết tâm gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO)<sup>6</sup>.

Vào ngày 21/4/2005, trong cuộc họp của Ủy ban Ukraine-NATO được tổ chức tại Vinhius, NATO đã mời Ukraine khởi động Đối thoại tăng cường (Intensified Dialogue) và tham dự cuộc gặp của các ngoại trưởng NATO. Đây được coi là bước đi đầu tiên để Ukraine gia nhập NATO. Sau đó, vào ngày 27/4/2005, trong cuộc họp của các bộ trưởng ngoại giao NATO, đại diện của Tổng thư ký NATO, James Appathurai, nói rằng tất cả các thành viên của Liên minh đã ủng hộ việc Ukraine sớm hội nhập vào NATO. Vào ngày 1/12/2005, Liên minh Châu Âu tuyên bố

công nhận Ukraine là quốc gia có nền kinh tế thị trường.

Vào ngày 6/4/2006, Nghị viện Châu Âu kêu gọi Ủy ban Châu Âu (European Commission - EC) bắt đầu đàm phán với Ukraine về tư cách thành viên liên kết tại EU. Những động thái này cho thấy sự ủng hộ của phương Tây đối với Ukraine, khẳng định Ukraine đã ra khỏi sự cô lập quốc tế bằng sự nổi lên của Tổng thống Yushchenko và những hy vọng từ phương Tây đã được đặt ra cho Tổng thống Yushchenko và nhóm các nhà cải cách của ông. Từ năm 2007, Ukraine và EU bắt đầu tiến trình đàm phán Hiệp định Liên kết giữa Ukraine và EU (Association Agreement Between EU & its Member States and Ukraine - AAEUUA).

Tuy nhiên, trong giai đoạn cầm quyền của mình, Tổng thống Yushchenko đã để đất nước Ukraine rơi vào cuộc khủng hoảng kinh tế xã hội và chính trị sâu sắc (2005-2010). Do đó, Tổng thống Yushchenko đã nhanh chóng mất uy tín và niềm tin cả ở cả trong nước và từ các đối tác nước ngoài. Bởi vậy, ông đã bị thất bại nặng nề trong cuộc bầu cử tổng thống vào đầu năm 2010.

Ngay sau khi lên cầm quyền vào ngày 25/2/2010, Tổng thống Yanukovich đã nỗ lực để tiếp tục chính sách đối ngoại đa vector của Tổng thống Kuchma, theo đó Ukraine tiến hành hội nhập châu Âu-Đại Tây Dương trong khi vẫn duy trì tối đa quan hệ hữu nghị, thiết thực với Nga và tăng cường quan hệ với các nước châu Á-Thái Bình Dương, trong đó có việc nâng cấp quan hệ với Trung Quốc

<sup>6</sup> Ukraine đã gia nhập WTO vào năm 2008, tức là sau Việt Nam hơn 1 năm.

lên tầm quan hệ đối tác chiến lược vào năm 2011. Chính sách đối ngoại này của Tổng thống Yanukovich được cựu Ngoại trưởng Mỹ Hilary Clinton gọi là “*chính sách cân bằng chiến lược*” dựa trên nhận thức về vị thế và tiềm năng quốc tế của Ukraine và theo nguyên tắc mọi phương hướng của chính sách đối ngoại phải phục tùng nhiệm vụ hiện đại hoá bên trong đất nước.

Trong bối cảnh đó, tiến trình đàm phán Hiệp định liên kết giữa Ukraine và EU mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng cuối cùng đã được thỏa thuận và tuyên bố chính thức kết thúc đàm phán vào ngày 19/11/2011. Tuy nhiên phải tới ngày 30/3/2012, những người đứng đầu phái đoàn của Ukraine và Liên minh Châu Âu mới chính thức ký kết kết thúc đàm phán Hiệp định này. Ngày 19/7/2012, hai bên ký kết kết thúc đàm phán Hiệp định FTA toàn diện và sâu rộng (the Deep and Comprehensive Free Trade Area-DCFTA).<sup>7</sup> Cũng trong tháng 7/2012, Ukraine và EU đã đồng ý sửa đổi Hiệp định về thuận lợi hóa thị thực.<sup>8</sup> Bất chấp những chỉ trích của EU về tình hình chính trị ở Ukraine, vào ngày 10/12/2012, Hội đồng Bộ trưởng Ngoại giao các nước châu Âu nhất trí dự thảo kết nạp Ukraine vào EU<sup>9</sup> trong đó

nhấn mạnh rằng EU sẵn sàng ký kết Hiệp ước Liên kết giữa Ủy ban Châu Âu và Ukraine tại Hội nghị “Đối tác phương Đông” ở Vinhiut vào cuối tháng 11/2013, với điều kiện Ukraine phải “thể hiện hành động quyết liệt và tiến bộ rõ rệt trong cải cách luật bầu cử, giải quyết vấn đề công lý và tiếp tục cải cách”. Để Quốc hội Ukraine và Nghị viện EU có thể phê chuẩn các Hiệp định này, vào ngày 22 tháng 2 năm 2013, Ukraine chính thức tham gia chiến dịch chống cướp biển “Ocean Shield” của NATO. Như vậy, Ukraine dưới thời Tổng thống Yanukovich trở thành quốc gia đối tác duy nhất của NATO tham gia vào tất cả các hoạt động của NATO.<sup>10</sup>

Tuy nhiên, cuộc biểu tình đường phố (cách mạng Nhân phẩm) đã lật đổ Tổng thống đương nhiệm Yanukovich vào ngày 22/2/2014 và buộc ông phải trốn sang Nga xin tị nạn chính trị. Theo đó, ngày 7/6/2014, ông Petro Poroshenko đã chính thức nhậm chức Tổng thống thứ 5 của Ukraine sau khi giành chiến thắng vang dội trong cuộc bầu cử tổng thống vào ngày 25/5/2014. Sau khi nhậm chức, một trong những ưu tiên của Tổng thống Poroshenko là điều chỉnh cơ bản chính sách đối ngoại của Ukraine so với chính sách dưới thời Tổng thống Yanukovich, theo đó Tổng thống Poroshenko đã thực thi và theo đuổi chính sách đối ngoại mới với các đường hướng: (i)

<sup>7</sup> Đây chính là Phần kinh tế của Hiệp định Liên kết và kết thúc sau 18 vòng đàm phán từ 2008 tới đầu 2012 (xem European Commission, *The trade part of the EU-Ukraine Association Agreement becomes operational on 1 January 2016*, Brussell 31/12/2015).

<sup>8</sup> Tới tháng 4/2013, Verkhovna Rada của Ukraine và Nghị viện châu Âu mới phê chuẩn Hiệp định này.

<sup>9</sup> Vào ngày 18/9/2013, Nội các Ukraine đã nhất trí thông qua dự thảo Hiệp định Liên kết với Liên minh châu Âu.

<sup>10</sup> Khi đó, Ukraine là Chính phủ còn lại duy nhất trong số các đối tác hội nhập vào Liên minh châu Âu đang đàm phán để gia nhập EU.

Cải thiện quan hệ với phương Tây, hội nhập toàn diện vào châu Âu-Đại Tây Dương với việc ký kết Hiệp định Liên kết EU-Ukraine nhằm mục tiêu gia nhập EU và NATO; (ii) Tăng cường quan hệ đối tác chiến lược với Mỹ, coi Mỹ là một trong những đối tác chiến lược hàng đầu của nước này trên con đường hiện đại hóa đất nước và hội nhập châu Âu, muốn Mỹ chính thức công nhận Ukraine là “đồng minh chủ chốt ngoài NATO”; (iii) Ưu tiên cho các hoạt động của Ukraine trong các tổ chức quốc tế gồm LHQ, OSCE, Hội đồng Châu Âu; (iv) Coi trọng khu vực *châu Á - Thái Bình Dương*, đặc biệt là với Trung Quốc, Nhật Bản, Singapore, Malaysia, Việt Nam, Indonesia và một số nước khác, nhất là trong hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư<sup>11</sup>.

Trên cơ sở chính sách đối ngoại này, EU và Ukraine đã ký Hiệp định miễn thị thực cho công dân Ukraine du lịch vào EU trong vòng 90 ngày vào ngày 11/5/2017, có hiệu lực từ 1/6/2017. Đây có thể coi là một cột mốc cơ bản của quá trình hội nhập vào EU của Ukraine. Đặc biệt, Ukraine đã cùng với EU ký kết Hiệp định Liên kết: (i) Phần Chính trị được ký vào ngày 21/3/2014 tại Hội nghị Thượng đỉnh Ukraine-EU giữa Thủ tướng Ukraine Yashenhuk và những người

đứng đầu nhà nước các nước thành viên EU và EU; (ii) Phần Kinh tế của Hiệp định<sup>12</sup> được ký ngày 27/6/2014 giữa Tổng thống Poroshenko và lãnh đạo Hội đồng châu Âu, lãnh đạo 28 nước thành viên. Tới ngày 16/9/2014, Quốc hội Ukraine và Nghị viện châu Âu cùng một lúc đã phê chuẩn Hiệp định này. Tuy nhiên, cho đến tận 1/9/2017, Hiệp định mới chính thức có hiệu lực. Đây là hiệp định toàn diện nhất được EU ký với 1 nước thuộc khu vực Đông Âu, mở ra một giai đoạn liên kết về chính trị và hội nhập về kinh tế cho cả Ukraine và EU; đây đồng thời cũng là định hướng chiến lược cho cải cách kinh tế-xã hội một cách hệ thống, đồng bộ của Ukraine trong thời gian tới. Bởi vậy, có thể nói đây chính là công cụ chính để đưa Ukraine tiến gần đến EU: thúc đẩy làm sâu sắc các mối quan hệ chính trị, tăng cường kết nối kinh tế và tôn trọng các giá trị chung. Bên cạnh đó, Hiệp định khu vực thương mại tự do sâu rộng và toàn diện (DCFTA) đã tạo ra khuôn khổ để hiện đại hóa quan hệ thương mại và phát triển kinh tế cho Ukraine bằng cách mở cửa thị trường và hài hòa pháp luật,

<sup>11</sup> Xem thêm: TTXVN (2016), “Hai năm cầm quyền của Tổng thống Poroshenko”, *Báo Tin tức* ngày 3/6/2016, <https://baotintuc.vn/phan-tichnhan-dinh/hai-nam-cam-quyen-cua-tong-thong-ukraine-poroshenko-20160602171153169.htm>; Phạm Hà (2019), “Ukraine có thay đổi chính sách đối ngoại sau bầu cử Tổng thống vòng 2?”, <https://vov.vn/the-gioi/quan-sat/ukraine-co-thay-doi-chinh-sach-doi-ngoai-sau-bau-cu-tong-thong-vong-2-893642.vov>.

<sup>12</sup> Phần kinh tế của Hiệp định còn được gọi là Hiệp định khu vực thương mại tự do sâu rộng và toàn diện (the Deep and Comprehensive Free Trade Area-DCFTA) giữa Ukraine và EU và kết thúc sau 18 vòng đàm phán từ 2008 tới đầu 2012. Như vậy, DCFTA là một phần của Hiệp định Liên kết giữa EU và Ukraine và nó cho phép cả 2 phía mở cửa cho hàng hoá và dịch vụ của nhau qua lại một cách tự do trên cơ sở miễn/giảm thuế nhập khẩu từ 1/1/2016, có một số hàng hoá và dịch vụ phải từ 1/10/2017 mới chính thức có hiệu lực (xem European Commission, *The trade part of the EU-Ukraine Association Agreement becomes operational on 1 January 2016*, Brussell 31/12/2015).

tiêu chuẩn và quy định trong các lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế. Ukraine được tiếp cận một cách ổn định và ưu đãi với một thị trường lớn trên thế giới với hơn 500 triệu người tiêu dùng của EU. Trong khi đó các doanh nghiệp EU được hưởng lợi qua việc tiếp cận thị trường Ukraine một cách dễ dàng, xây dựng các mối quan hệ mới với các nhà cung cấp và đối tác Ukraine. Kể từ khi DCFTA được mở, trao đổi thương mại Ukraine-EU đã tăng mạnh. EU trở thành đối tác thương mại lớn nhất của Ukraine. EU là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Ukraine, chiếm 42,0% tổng giá trị xuất khẩu của Ukraine. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Ukraine sang EU bao gồm: hạt cải, lúa mì, đậu tương, các loại hạt... Các mặt hàng xuất khẩu được hưởng ưu đãi thuế quan có hạn ngạch như mật ong, các loại mạch, cà chua đã qua chế biến, nho, nước ép táo... Tuy nhiên, đầu tư trực tiếp của cả hai bên còn đang ở mức độ hạn chế so với mong muốn của cả Ukraine và EU.

Ngay sau khi nhậm chức ngày 20/5/2019, Tổng thống Zelensky cam kết tiếp tục con đường hội nhập châu Âu-Đại Tây Dương từ thời cựu Tổng thống Poroshenko, tiếp tục duy trì các cuộc tập trận quân sự chung với NATO nhằm nâng cao khả năng tác chiến hiệp đồng giữa quân đội Ukraine với quân đội các nước NATO. Quan hệ Ukraine với EU và NATO vẫn ổn định trên các cơ sở các thỏa thuận đã đạt được như dưới thời cựu Tổng thống Poroshenko. Đặc biệt, Ukraine nhận được

sự hậu thuẫn vững chắc của NATO trong việc xây dựng lực lượng quân đội theo tiêu chuẩn NATO. Trong lĩnh vực kinh tế, EU vẫn là đối tác thương mại lớn nhất của Ukraine và là nhà tài trợ lớn cho Ukraine. Ngày 25/9/2019, bà Maya Kosyanchich, đại diện của cao ủy đối ngoại EU cho biết trong hơn 5 năm chiến tranh ở Donbass, EU đã cung cấp cho Ukraine khoản viện trợ trị giá hơn 15 tỷ euro.

Tuy nhiên, hiện nay, trong quan hệ với châu Âu-Đại Tây Dương có một vấn đề đang gây chia rẽ mối quan hệ giữa Ukraine-EU, đó là dự án Dòng chảy phương Bắc 2. Để củng cố mối quan hệ với Đức, Mỹ từ chỗ phản đối dự án dưới thời Tổng thống Trump đã chuyển sang đồng tình với việc Nga-Đức tiếp tục triển khai xây dựng nốt phần còn lại trong dự án Dòng chảy phương Bắc 2 dưới thời Tổng thống Biden, cho dù Ukraine và nhiều nước EU phản đối.<sup>13</sup> Dự án hợp tác này gặp nhiều sự phản đối liên quan đến các vấn đề môi trường, chính trị và an ninh quốc gia ở một số nước EU, như Thụy Điển, Phần Lan và các quốc gia vùng Baltic - nơi mà đường ống đi qua. Còn các nước khác, như Ukraine, Ba Lan, Latvia, Moldova,

<sup>13</sup> Ngày 22/8/2021, Tổng thống Ukraine Zelensky đã có cuộc gặp Thủ tướng Đức Angela Merkel đang ở thăm Kiev, trong đó hai bên tập trung thảo luận về dự án Dòng chảy phương Bắc 2 của Nga. Phát biểu sau cuộc gặp, Tổng thống Zelenskiy đã yêu cầu sự rõ ràng về điều gì sẽ xảy ra sau khi thỏa thuận vận chuyển khí đốt giữa Ukraine và Nga sẽ hết hạn vào năm 2024, cho rằng các cuộc thảo luận về vấn đề này vẫn đang mơ hồ. Ông Zelenskiy vẫn duy trì quan điểm phản đối dự án Dòng chảy phương Bắc 2 đưa khí đốt từ Nga qua biển Baltic tới Đức.



Lithuania, Hungary, Romania, Slovakia, Estonia và Séc coi “Dòng chảy phương Bắc 2” là mối đe dọa đối với an ninh năng lượng của châu Âu, làm cho châu Âu phụ thuộc nhiều hơn vào khí đốt của Nga; cho rằng, dự án này thực chất là “sự tư lợi và lợi ích quốc gia của Nga và Đức”.<sup>14</sup>

*Tóm lại*, kể từ sau khi giành được độc lập, quan hệ giữa Ukraine và NATO từ đối đầu chuyển thành quan hệ hợp tác và liên kết chặt chẽ với việc Ukraine và EU đã ký Hiệp định Liên kết. Hơn thế nữa, trong giai đoạn từ sau cách mạng Maidan 2014, Ukraine mong muốn có thể trở thành thành viên của NATO và EU<sup>15</sup>, và đã đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, “con đường châu Âu” của Ukraine vẫn còn nhiều chông gai và không diễn ra nhanh như những người đề xuất nó mong muốn. Cánh cửa bước vào

NATO và EU vẫn sẽ hé mở trước Ukraine, song không phải là hiện nay mà là trong 10-20 năm tới nếu Ukraine đáp ứng được yêu cầu của EU và NATO.<sup>16</sup>

## 2. Khái quát quan hệ của Việt Nam với châu Âu-Đại Tây Dương

Tháng 11 năm 2020, Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EU) kỷ niệm 30 năm thiết lập quan hệ ngoại giao (28/11/1990 - 28/11/2020), trong bối cảnh quan hệ giữa hai bên vừa có bước đột phá quan trọng, với việc Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA) có hiệu lực từ ngày 01/08/2020.

### 2.1. Chặng đường phát triển quan hệ Việt Nam - EU 30 năm qua

Có thể nhận thấy EU, với 27 quốc gia thành viên hiện nay, luôn là một trong những đối tác quan trọng trong sự nghiệp Đổi mới và hội nhập quốc tế của Việt Nam. Việc thiết lập quan hệ ngoại giao năm 1990 giữa Việt Nam và EU (khi đó là Cộng đồng Châu Âu,

<sup>14</sup> Xem thêm: Nguyễn Anh Tuấn, 2021, Dự án “Dòng chảy phương Bắc 2”: Bài toán trong chính sách của Mỹ đối với khu vực châu Âu, Tạp chí Cộng sản, <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/the-gioi-van-de-su-kien/-/2018/821830/du-an-%E2%80%9Cdong-chay-phuong-bac-2%E2%80%9D--bai-toan-trong-chinh-sach-cua-my-doi-voi-khu-vuc-chau-au.aspx>; Phương Oanh (2021), “Lãnh đạo Ukraine và Đức thảo luận dự án dòng chảy Phương Bắc 2”, tại <https://baotintuc.vn/the-gioi/lanh-dao-duc-ukraine-thao-luan-ve-du-an-dong-chay-phuong-bac-2-20210822200813567.htm>.

<sup>15</sup> Chiến lược An ninh Quân sự mới của Ukraine được thông qua vào tháng 3 năm 2021 tiếp tục xác lập mục tiêu trở thành thành viên của NATO thông qua việc triển khai hơn nữa các tiêu chuẩn của NATO, tăng khả năng tương tác của lực lượng vũ trang Ukraine với các lực lượng của NATO cũng như tăng cường sự tham gia của Ukraine vào sứ mệnh quốc tế của NATO (xem: Còn cả chặng đường dài để Ukraine gia nhập NATO, *Báo Tiền phong online* ngày 16/11/2021 tại <https://tienphong.vn/con-ca-chang-duong-dai-de-ukraine-gia-nhap-nato-post1393244.tpo>).

<sup>16</sup> Tháng 3/2016, Chủ tịch Ủy ban Châu Âu, Jean-Claude Juncker cho rằng, phải mất ít nhất là 20-25 năm nữa Ukraine mới có thể gia nhập EU và NATO. Ngày 24/8/2018, phát biểu sau khi dự Quốc khánh Ukraine và lễ duyệt binh, Cố vấn An ninh quốc gia Mỹ John Bolton bày tỏ ủng hộ Ukraine và ghi nhận những tiến bộ mà Ukraine đã đạt được trong nỗ lực gia nhập NATO, song cũng cho rằng Ukraine còn nhiều cần làm trước khi có thể trở thành thành viên NATO. Tại Hội nghị thượng đỉnh NATO được tổ chức vào tháng 6/2021, việc gia nhập NATO của Ucraina lại một lần nữa bị trì hoãn vô thời hạn (xem: Ông Biden nói Ukraine chưa đủ tiêu chuẩn gia nhập NATO xem tại <https://tuoitre.vn/ong-biden-noi-ukraine-chua-du-tieu-chuan-de-gia-nhap-nato-20210615092113849.htm>).

với 12 quốc gia thành viên ở Tây Âu) là sự kiện quan trọng, đánh dấu việc Việt Nam bắt đầu thoát khỏi sự bao vây cấm vận của các nước phương Tây<sup>17</sup> và tác động tích cực đến quan hệ đối ngoại và tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam được triển khai theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VI của Đảng tháng 12/1986.

Quan hệ hợp tác Việt Nam - EU được khởi đầu trên các vấn đề nhân đạo<sup>18</sup>, khắc phục hậu quả chiến tranh, tiếp đó dẫn đến việc ký Hiệp định khung về Hợp tác giữa hai bên (FCA) tháng 7/1995. Từ đó, EU đã đồng hành cùng Việt Nam trong suốt thời kỳ bắt đầu công cuộc hội nhập đầy thử thách với nhiều hoạt động hỗ trợ quan trọng. Đặc biệt là:

Thứ nhất, EU đã tích cực hỗ trợ Việt Nam trong hoạch định chính sách và nâng cao năng lực thể chế, từ đó góp phần thúc đẩy tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam. Sự hỗ trợ này được thực hiện trong

nhiều chương trình, dự án khác nhau, tiêu biểu là Chương trình hỗ trợ quá trình chuyển tiếp sang nền kinh tế thị trường ở Việt Nam (EuroTAPViet) từ 1994 đến 1999 (là chương trình hỗ trợ kỹ thuật lớn nhất của EU ở châu Á), Chương trình hỗ trợ chính sách Thương mại đa phương (MUTRAP) từ 1998 đến 2017.

Thứ hai, EU là nhà cung cấp viện trợ phát triển ODA không hoàn lại lớn nhất cho Việt Nam. Giai đoạn 1993-2013, ODA của EU chiếm 20% tổng cam kết của các nhà tài trợ quốc tế đối với Việt Nam, trong đó viện trợ không hoàn lại là 1,5 tỉ USD. Giai đoạn 2014 - 2020, EU đã viện trợ 400 triệu EUR cho Việt Nam, tập trung vào các lĩnh vực năng lượng bền vững và tăng cường năng lực thể chế. Các dự án ODA của EU đã hỗ trợ hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam. Hai bên còn đẩy mạnh hợp tác về văn hóa nghệ thuật, bảo tồn di sản, giáo dục, giao lưu nhân dân...

- Việt Nam và EU cùng có chung quan điểm về cách tiếp cận đa phương, về vai trò của luật pháp quốc tế và các thể chế đa phương trong quan hệ quốc tế. Hai bên thường xuyên trao đổi, tham vấn và phối hợp lập trường trên nhiều vấn đề toàn cầu và khu vực cùng quan tâm, đặc biệt về hòa bình an ninh, ứng phó với biến đổi khí hậu, tự do hóa thương mại dựa trên luật lệ, phát triển bền vững, các thách thức về an ninh phi truyền thống...

<sup>17</sup> Việc thiết lập quan hệ ngoại giao với Cộng đồng Châu Âu, bình thường hóa quan hệ với các nước Tây Âu trong những năm 1980 được xem là bước đi đột phá của Việt Nam nhằm phá thế bao vây cấm vận của phương Tây. Tiếp theo đó là việc Hoa Kỳ dỡ bỏ cấm vận chống Việt Nam tháng 2/1994, bình thường hóa quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ tháng 7/1995 và sau đó là việc Việt Nam gia nhập ASEAN tháng 7/1995, là thành viên sáng lập của Hội nghị Á-Âu (ASEM) tháng 3/1996 và hàng loạt các sự kiện diễn ra vào các năm sau đó.

<sup>18</sup> Điển hình là “Chương trình hỗ trợ quốc tế (ECIP) do EU phối hợp với Cao ủy Liên hợp quốc về người Tị nạn hỗ trợ người Việt Nam hồi hương và tái hòa nhập cộng đồng; việc EC tài trợ qua Tổ chức Di trú quốc tế để hỗ trợ hồi hương 16.000 lao động Việt Nam tại Iraq năm 1991.

## 2.2. Các thành tựu nổi bật trong quan hệ Việt Nam - EU

(i) Về các khuôn khổ hợp tác-đối tác giữa hai bên

Việt Nam và EU hiện có mối quan hệ rất sâu rộng, tiêu biểu là: Hiệp định Đối tác và Hợp tác toàn diện Việt Nam - EU (PCA), có hiệu lực từ năm 2016, với các cơ chế hợp tác thực chất trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, thương mại, đầu tư, phát triển bền vững, an ninh-quốc phòng, pháp quyền-quản trị<sup>19</sup>; Hiệp định Thương mại tự do (EVFTA) có hiệu lực từ ngày 01/8/2020 và sắp tới là Hiệp định Bảo hộ đầu tư (EVIPA). Giữa hai bên còn có Hiệp định Đối tác tự nguyện về Lâm luật, Quản trị rừng và Thương mại lâm sản (VPA-FLEGT) có hiệu lực tháng 6/2019; Hiệp định khung về hợp tác Quốc phòng-An ninh (FPA) tháng 10/2019; cơ chế Đối thoại nhân quyền hàng năm... Các khuôn khổ hợp tác này đã đưa Việt Nam trở thành một trong những quốc gia châu Á có quan hệ toàn diện, sâu rộng nhất với EU, nước ASEAN duy nhất có tất cả các trụ cột hợp tác với EU.

(ii) Về kinh tế, thương mại và đầu tư

Với một thị trường 512 triệu dân, chiếm 22% GDP thế giới, thu nhập bình quân đầu người 36.580 USD/năm, EU là đối tác kinh tế hàng đầu của Việt Nam, một trong ba đối tác thương mại và thị trường xuất khẩu quan

trọng nhất của Việt Nam (sau Trung Quốc, Hoa Kỳ). Kim ngạch thương mại Việt Nam-EU đã tăng 17 lần trong 20 năm qua, đạt 56,45 tỉ USD năm 2019 và Việt Nam là đối tác thương mại lớn thứ hai của EU trong ASEAN (sau Singapore), trong đó Việt Nam xuất khẩu vào EU 41,54 tỉ USD hàng hóa và nhập khẩu từ EU 14,9 tỉ USD. EU luôn là thị trường Việt Nam xuất siêu lớn thứ hai (sau Hoa Kỳ), khối lượng ngày càng tăng, giúp Việt Nam bù đắp được thâm hụt thương mại lớn với Trung Quốc, Hàn Quốc... Ngay khi EVFTA có hiệu lực, tháng 8/2020, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường EU đã đạt 3,25 tỷ USD, tăng 4,65% so với tháng 7 và tăng 4,2% so với cùng kỳ năm 2019. Nhờ EVFTA có hiệu lực, các doanh nghiệp Việt Nam tuy bị ảnh hưởng nặng nề do đại dịch COVID-19 vẫn tăng xuất khẩu sang EU.

EU nằm trong nhóm năm nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất vào Việt Nam cùng với Hàn Quốc, Nhật, Singapore và Đài Loan (Trung Quốc).<sup>20</sup> Xu thế đầu tư của EU chủ yếu tập trung vào các ngành công nghiệp công nghệ cao, gần đây có xu hướng phát triển sang các ngành dịch vụ (bưu chính viễn thông, tài chính ngân hàng, văn phòng cho thuê, bán lẻ...). Các nhà đầu tư EU có ưu thế về công nghệ, đóng góp tích cực vào việc chuyển giao công nghệ, tạo ra một số ngành, nghề mới và sản phẩm mới có hàm lượng công nghệ cao, tạo thêm nhiều việc làm mới.

<sup>19</sup> Tháng 6/2008, Việt Nam và EU đã khởi động đàm phán Hiệp định PCA. Sau 9 vòng đàm phán (từ 6/2008 đến 10/2010), ngày 4/10/2010, Hiệp định PCA đã được ký tắt bên lề Hội nghị ASEM-8 tại Bỉ trước sự chứng kiến của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng và Chủ tịch Ủy ban Châu Âu, José Manuel Barroso.

<sup>20</sup> Năm 2019, EU có 2.375 dự án từ 27/28 quốc gia thành viên EU, với tổng số vốn đầu tư đạt 25,49 tỷ USD.

Đầu tư của Việt Nam sang EU không nhiều, nhưng các dự án đầu tư này đã góp phần giúp doanh nghiệp Việt Nam khai thác được lợi thế kinh doanh, tiếp cận và mở rộng thị trường EU có sức mua lớn.

### **2.3. Cơ hội, thách thức và triển vọng quan hệ Việt Nam - EU**

Hiện có rất nhiều cơ hội và thuận lợi để tăng cường quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam - EU trong thời gian tới. Cả hai bên đều có lợi ích và đã cùng nhau tạo dựng đầy đủ các khuôn khổ, cơ chế để đẩy mạnh mối quan hệ này.

*Thứ nhất*, quan hệ hợp tác toàn diện với EU, một trung tâm kinh tế-chính trị quan trọng hàng đầu thế giới, luôn là một trong những định hướng ưu tiên trong chính sách đối ngoại và hội nhập quốc tế của Việt Nam. Quan hệ Việt Nam - EU còn được củng cố bằng các mối quan hệ song phương giữa Việt Nam với 27 nước thành viên EU, đặc biệt là quan hệ “đối tác chiến lược” với Đức, Anh<sup>21</sup>, Pháp, Italia, Tây Ban Nha; quan hệ “đối tác toàn diện” với Hà Lan, Đan Mạch, Hungary; quan hệ bạn bè truyền thống với tất cả các nước thành viên Đông Âu của EU, nhất là với Ukraine.

*Thứ hai*, phía EU cũng có lợi ích thúc đẩy quan hệ với Việt Nam. Như phát biểu ngày 05/11/2020 của Phó Chủ tịch Ủy ban Châu Âu kiêm Đại diện cấp cao EU về An ninh và Đối ngoại Josep Borrell: “Việt Nam

giờ đây trở thành một trong những nền kinh tế phát triển nhanh nhất khu vực..., một trong những nước năng động nhất ở châu Á - Thái Bình Dương” và “Việt Nam là một đối tác song phương hấp dẫn của Liên minh Châu Âu cũng như thông qua tư cách thành viên ASEAN và LHQ, nơi Việt Nam đã thể hiện cam kết rõ ràng của mình đối với chủ nghĩa đa phương và trật tự quốc tế dựa trên luật lệ...”. Nền kinh tế Việt Nam có độ mở lớn, tốc độ phát triển nhanh và ổn định, đã tham gia 15 FTA, đặc biệt là thành viên của Hiệp định CPTPP và RCEP, sẽ là điểm đến đầy hứa hẹn của các doanh nghiệp EU kể từ khi EVFTA có hiệu lực.

Trong khi những cơ hội và thuận lợi là cơ bản, quan hệ Việt Nam - EU cũng tồn tại những thách thức không nhỏ từ cả hai phía.

*Thứ nhất*, là một trung tâm kinh tế toàn cầu, lợi ích và quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư của EU tại Đông Á - Thái Bình Dương rất lớn (ví dụ mỗi năm có nhiều trăm tỉ đôla hàng hóa đến và từ EU đi qua Biển Đông), nhưng vai trò chính trị của EU đối với hòa bình, ổn định trong khu vực còn khiêm tốn so với nhiều đối tác quan trọng khác. Điều này một phần do khoảng cách địa lý và EU còn có nhiều quan tâm lớn ở khu vực cận biên. Quan hệ EU - Việt Nam cũng phụ thuộc vào nhiều vấn đề nội tại của EU, trong đó có xu thế dân túy, chủ nghĩa bảo hộ, dân tộc cực đoan, hậu quả nặng nề do đại dịch COVID-19... đang tác động nhất định đến việc thúc đẩy quan hệ. Mặt khác, giữa Việt Nam và EU vẫn tồn tại một số khác

<sup>21</sup> Vương quốc Anh vẫn còn là thành viên EU đến ngày 31/12/2020.

biệt, đặc biệt về quan điểm và cách tiếp cận trên các vấn đề dân chủ nhân quyền, mặc dù trong 30 năm qua, cả hai bên đều hiểu và nhìn nhận rõ các khác biệt này.

*Thứ hai*, thách thức lớn nhất của Việt Nam là cần tận dụng tối đa cơ hội mà Hiệp định EVFTA mang lại. Số liệu thống kê đến tháng 10/2020 cho thấy thương mại hai chiều Việt Nam - EU chưa có dấu hiệu bứt phá, trong bối cảnh đại dịch COVID-19 vẫn đang tác động nặng nề đến nền kinh tế của mỗi bên, đặc biệt là EU. Để tăng tốc về xuất khẩu vào một thị trường khó tính như EU, các doanh nghiệp Việt Nam phải có nhiều đổi mới, nâng cao chất lượng sản phẩm, thương hiệu, đảm bảo về nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm... Mặt khác, để tận dụng cơ hội từ EVFTA và tiếp cận được các dòng đầu tư với công nghệ cao từ EU, Việt Nam cần tiếp tục đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật theo hướng minh bạch, phù hợp với thông lệ quốc tế, qua đó góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng bền vững, bao trùm hơn.

Từ các phân tích trên và với quyết tâm từ cả hai phía, có thể tin tưởng rằng quan hệ Việt Nam - EU sẽ ngày càng phát triển thực chất, toàn diện và sâu rộng, nhất là về kinh tế, chính trị, thương mại và đầu tư. Cả hai bên đã thiết lập các khuôn khổ chung để thúc đẩy quan hệ, nhất là Hiệp định Đối tác-Hợp tác toàn diện Việt Nam - EU, đã tạo ra bước đi đột phá là Hiệp định EVFTA thế hệ mới đầy tham vọng và sắp tới là Hiệp định Bảo

hộ đầu tư (EVIPA), ký tháng 6/2019, đã được Quốc hội hai bên thông qua và đang chờ 27 nước thành viên EU phê chuẩn, sau khi có hiệu lực sẽ tạo ra đột phá về đầu tư giữa Việt Nam và EU. Tuy hai bên vẫn tồn tại một số khác biệt, như vấn đề dân chủ nhân quyền, nhưng cũng như trong suốt 30 năm qua, những khác biệt này không lớn so với lợi ích tổng thể và không thể cản trở đà phát triển của quan hệ Việt Nam - EU; hai bên cũng đã thiết lập cơ chế đối thoại-hợp tác để xử lý các khác biệt trong quan hệ.

Tóm lại, trong 30 năm qua, quan hệ Việt Nam - EU đã phát triển từ quan hệ một chiều giữa “nước nhận viện trợ và nhà tài trợ” trở thành quan hệ đối tác bình đẳng và cùng có lợi, hợp tác toàn diện và bền vững, ngày càng đi vào chiều sâu, trên cơ sở lợi ích chung, với các cơ chế toàn diện, đáp ứng hiệu quả, thiết thực nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội và chiến lược của cả hai bên, góp phần thúc đẩy xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển bền vững trên thế giới.

### **3. Quan hệ Việt Nam-Ukraine trong bối cảnh gia tăng quan hệ với châu Âu-Đại Tây Dương**

#### ***3.1. Cơ sở để thúc đẩy quan hệ Việt Nam-Ukraine***

Với chính sách đối ngoại đa vector, Ukraine nhìn nhận Việt Nam là đối tác bạn bè hữu nghị, truyền thống quan trọng nhất của mình ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương, đã gắn bó chặt chẽ với Liên Xô trước đây, với châu Âu-Đại Tây Dương và với Ukraine hiện nay. Ukraine nhận thức

được rằng với dân số gần 100 triệu người, có nền kinh tế phát triển năng động trong khu vực châu Á-TBD, có vị trí và uy tín ngày càng cao trên thế giới, nhất là ở khu vực Đông Nam Á, châu Á- Thái Bình Dương và châu Âu-Đại Tây Dương, là thành viên của nhiều tổ chức quốc tế quan trọng như ASEAN, ASEM, APEC, CPTPP, RCEP và các tổ chức khác, Việt Nam sẽ là cầu nối rất quan trọng để Ukraine thâm nhập và thúc đẩy quan hệ với khu vực Đông Nam Á và châu Á- Thái Bình Dương, đồng thời nhận được sự ủng hộ tích cực của Việt Nam trên các diễn đàn đa phương mà 2 nước cùng quan tâm.<sup>22</sup>

Trong khi đó, Việt Nam cũng ý thức được lợi ích chiến lược cơ bản lâu dài, rất quan trọng trong quan hệ với Ukraine bởi lẽ Ukraine là nước lớn ở khu vực châu Âu, có vị trí địa-chiến lược, địa-kinh tế quan trọng, có tiềm năng to lớn về kinh tế, khoa học-kỹ thuật, kể cả khoa học quân sự, có cơ sở hạ tầng xã hội và cơ sở hạ tầng kỹ thuật tốt, là địa bàn cạnh tranh chiến lược của các nước lớn và có vị thế trong mỗi quan hệ với châu Âu-Đại Tây Dương. Xét về diện tích và dân

số, Ukraine là một trong những nước lớn ở châu Âu có thể so sánh được với các nước như Đức, Anh và Pháp.<sup>23</sup> Bên cạnh đó, trong những năm qua, Việt Nam cũng không ngừng thúc đẩy quan hệ với EU, trong đó có việc Việt Nam và EU đã ký kết và phê chuẩn Hiệp định EVFTA. Đây được xem là điểm tương đồng của hai nước, nhất là trên lĩnh vực kinh tế, giao lưu văn hóa và giáo dục-đào tạo và hai nước có thể trao đổi kinh nghiệm với nhau trong việc thúc đẩy quan hệ với châu Âu-Đại Tây Dương.

Hơn nữa, trong chiến lược thúc đẩy quan hệ với khu vực châu Á- Thái Bình Dương có từ thời Tổng thống Kuchma và được thúc đẩy trong các thời kỳ tiếp, Ukraine có được lợi thế là luôn duy trì quan hệ tốt đẹp với Việt Nam trên cơ sở truyền thống hữu nghị lâu năm với hơn 7.000 người Việt Nam đã được đào tạo ở Ukraine nói riêng (trong số hơn 60.000 người được đào tạo từ tất cả các nước cộng hòa thuộc Liên Xô cũ trong suốt thời kỳ Chiến tranh Lạnh) có hiểu biết và có tình cảm rất tốt đối với đất nước và nhân dân Ukraine. Hiện nay, cộng đồng người Việt Nam tại Ukraine có gần 8.000 người được đánh giá là cộng đồng năng động, tích cực có nhiều đóng góp cho sở tại

<sup>22</sup> Bởi vậy, trong suốt một thời gian dài từ sau khi giành độc lập cho đến năm 2003, Ukraine chỉ đặt Đại sứ quán của mình ở 2 nước trong khu vực Đông Nam Á là tại Việt Nam và Indonesia. Đại sứ quán Ukraine tại Việt Nam khi đó kiêm nhiệm Singapore, Malaysia, Thái Lan, Lào, Campuchia. Từ 2003, Ukraine mở thêm Đại sứ quán của mình tại Singapore, Malaysia và Thái Lan, song Đại sứ quán tại Việt Nam vẫn kiêm nhiệm Lào và Campuchia. Điều đó có nghĩa là Ukraine vẫn coi Việt Nam có vai trò cầu nối giữa Ukraine với khu vực Đông Nam Á, mặc dù kể từ 2003, Việt Nam không còn là cửa ngõ duy nhất để Ukraine thâm nhập khu vực này.

<sup>23</sup> Tuy nhiên, về mặt khoa học-công nghệ, khoa học kỹ thuật quốc phòng, Ukraine là một quốc gia tầm trung, đứng vị trí thứ 27 trong số 138 quốc gia được khảo sát. Còn xét về tiềm năng kinh tế, Ukraine thuộc nước đang phát triển ở mức trung bình với thu nhập bình quân đầu người vào khoảng 3.000 USD vào năm 2018. Xem: Báo cáo của Global Firepower, Ukraine đứng thứ 27 trong năm 2020, trong khi đó 5 nước đứng đầu danh sách là Mỹ, Nga, Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản (Global Firepower Report, 5/5/2020).

là cầu nối duy trì và củng cố quan hệ truyền thống hữu nghị giữa hai nước Việt Nam-Ukraine.

### **3.2. Thành tựu 30 năm quan hệ Việt Nam-Ukraine**

Do có cơ sở vững chắc cho quan hệ song phương nên Ukraine và Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao từ 23/1/1992, ngay sau khi Ukraine tuyên bố độc lập vào ngày 24/8/1991 để phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác nhiều mặt với nhau. Ngay khi hai nước mới được thiết lập quan hệ ngoại giao, các chuyến thăm các cấp (bao gồm cả cấp cao) diễn ra khá dồn dập, đặc biệt từ phía Việt Nam nhằm xử lý những vấn đề trong quan hệ song phương do Ukraine kế thừa quan hệ đối ngoại của Liên Xô cũ trên lãnh thổ Ukraine. Xác định Ukraine là một trong những đối tác truyền thống quan trọng sau khi tách khỏi Liên Xô, nên năm 1994, Thủ tướng Việt Nam Võ Văn Kiệt đã đến thăm Ukraine. Kết quả quan trọng của chuyến thăm là hai bên nhất trí thành lập Ủy ban liên chính phủ Ukraine-Việt Nam về hợp tác kinh tế-thương mại và khoa học-kỹ thuật.

Sự khởi đầu của mối quan hệ Ukraine - Việt Nam ở cấp cao nhất được thiết lập bởi chuyến thăm cấp nhà nước của Tổng thống Ukraine Leonid Kuchma tới Việt Nam vào năm 1996. Để đáp lại, Chủ tịch nước Cộng hòa XHCN Việt Nam Trần Đức Lương đã có chuyến thăm cấp Nhà nước tới Ukraine vào năm 2000. Năm 2003, Chủ tịch Quốc hội Việt Nam Nguyễn Văn An đã có chuyến thăm chính thức tới Ukraine. Sau đó, sự

phát triển của quan hệ Ukraine - Việt Nam tiếp tục được thúc đẩy bởi chuyến thăm chính thức tới Việt Nam của Tổng thống Ukraine Viktor Yanukovich tới Việt Nam năm 2011, trong đó hai bên đã ra Tuyên bố chung về việc thiết lập quan hệ Đối tác và Hợp tác toàn diện giữa Ukraine và Việt Nam.

Sau cách mạng Nhân phẩm vào tháng 2/2014, chính phủ mới của Tổng thống Poroshenko lên cầm quyền nhưng vẫn coi trọng quan hệ với Việt Nam. Vào tháng 11/2015, trong khuôn khổ Hội nghị các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu lần thứ 21 (COP-21), Tổng thống Poroshenko đã gặp Thủ tướng Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng để thảo luận về việc tăng cường quan hệ thương mại và kinh tế giữa Ukraine và Việt Nam. Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng ủng hộ đề xuất của Ukraine tham gia Diễn đàn Á-Âu (ASEM). Sau đó, vào tháng 1/2017, Tổng thống Poroshenko tại Diễn đàn Kinh tế thế giới ở Davos (Thụy Sĩ) đã thảo luận với Thủ tướng Việt Nam Nguyễn Xuân Phúc để tăng cường đối thoại chính trị giữa Ukraine và Việt Nam, thúc đẩy quan hệ thương mại và kinh tế bằng việc tổ chức cuộc họp thường kỳ lần thứ 14 Ủy ban liên chính phủ Ukraine-Việt Nam về hợp tác kinh tế-thương mại và khoa học-kỹ thuật vào tháng 10/2017, quyết định tăng cường phối hợp trong khuôn khổ các tổ chức quốc tế, bao gồm cả LHQ.

Trong thời gian 30 năm thiết lập quan hệ, hai nước đã ký khoảng 22 hiệp định cấp

Chính phủ và nhiều thoả thuận hợp tác liên ngành, liên bộ trong nhiều lĩnh vực quan trọng. Trong lĩnh vực quốc phòng, Ukraine và Việt Nam có kinh nghiệm hợp tác thành công, bao gồm hiện đại hóa nhiều loại vũ khí cho quân đội Việt Nam, xây dựng cơ sở sản xuất sửa chữa máy bay và phát triển chương trình đóng tàu cho Việt Nam. Ukraine cũng đào tạo cho Việt Nam hàng nghìn cán bộ, kỹ sư, chuyên gia trong các lĩnh vực khác nhau và bây giờ đang đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước Việt Nam. Bên cạnh đó, Việt Nam và Ukraine còn phối hợp chặt chẽ và thường xuyên ủng hộ lẫn nhau tại các diễn đàn và tổ chức quốc tế, trong đó có Liên hợp quốc.

### ***3.3. Triển vọng quan hệ Việt Nam - Ukraine***

Việt Nam xác định Ukraine có vai trò không nhỏ trong đường lối đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ của mình trong chiến lược cân bằng quan hệ giữa các nước lớn. Ukraine còn là địa bàn hết sức quan trọng cho việc thúc đẩy hợp tác an ninh quốc phòng của Việt Nam. Quan hệ giữa Việt Nam và Ukraine là quan hệ hữu nghị hợp tác truyền thống có quan điểm tương đồng về nhiều vấn đề quốc tế lớn, nhất là trong quan hệ với châu Âu-Đại Tây Dương trong giai đoạn hiện nay; hai nước có độ tin cậy cao trong quan hệ song phương. Trong quan hệ chính trị-ngoại giao giữa 2 nước, nói chung không có mâu thuẫn về chính trị, không có va chạm về lợi ích kinh tế, không có những vấn đề khúc mắc, tranh chấp do

lịch sử để lại. Mặt khác hai nước đều có quá trình chuyển đổi mô hình kinh tế, có quan điểm chung về nhiều vấn đề quốc tế và khu vực. Hơn nữa, hai nước có nhiều nét tương đồng về lịch sử văn hóa, đặc biệt về lịch sử chống ngoại xâm. Đây chính là những nhân tố thuận lợi cho việc thúc đẩy và tăng cường quan hệ giữa hai nước trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, xét về lợi ích kinh tế, Ukraine là thị trường lớn nhiều tiềm năng cho hàng hóa Việt Nam, đặc biệt là cao su, dệt may, đông dược và một số sản phẩm khác, đồng thời là thị trường đầu tư tiềm năng cho các doanh nghiệp Việt Nam. Mặt khác Việt Nam luôn nhận được của Ukraine những nguyên liệu, thiết bị chiến lược phục vụ phát triển kinh tế như sắt thép, phân bón, thiết bị điện. Hơn thế nữa, Ukraine còn là thị trường nhập khẩu khoa học công nghệ tin cậy, cung cấp dịch vụ khoa học và công nghệ chất lượng cao với giá cả hợp lý cho Việt Nam như: hàn trong điều kiện đặc biệt, công nghệ titan, chế biến và thuộc da, kỹ thuật quân sự. Ngoài ra, Ukraine là một nước có cơ cấu công-nông nghiệp hợp lý, có một số ngành công nghiệp mũi nhọn như năng lượng, luyện kim, chế tạo máy, công nghiệp quốc phòng, hóa dầu, đóng tàu, phân bón. Ukraine cũng là nước sản xuất và xuất khẩu nhiều mặt hàng nông sản như lúa mì, hoa quả ôn đới, dầu hướng dương. Nếu so với cơ cấu xuất nhập khẩu của Việt Nam, chúng ta thấy Ukraine và Việt Nam không cạnh tranh nhau mà bổ sung cho nhau. Đây là cơ sở cho 2 nước tiếp tục thúc đẩy hợp tác kinh tế.



## Kết luận

Tóm lại, ngay sau khi tuyên bố độc lập (24/8/1991) và tách ra khỏi Liên Xô (cũ), Ukraine mong muốn xây dựng một đất nước hiện đại và phát triển, có vai trò nhất định trong khu vực và trên thế giới. Trong tiến trình đó, Ukraine không ngừng gia tăng quan hệ với châu Âu-Đại Tây Dương và châu Á-Thái Bình Dương. Trong khi đó, từ năm 1986 Việt Nam thi hành chính sách đổi mới, trong đó đặc biệt là chính sách đối ngoại đa dạng hóa và đa phương hóa quan hệ đối ngoại. Trong bối cảnh đó, một trong những định hướng quan trọng là thúc đẩy quan hệ với châu Âu-Đại Tây Dương với dấu mốc quan trọng là Việt Nam và EU đã thiết lập quan hệ ngoại giao vào cuối năm 1990. Với việc cả hai nước đều tăng cường quan hệ với châu Âu-Đại Tây Dương là một trong những cơ sở quan trọng để Việt Nam và Ukraine thúc đẩy quan hệ song phương trong thời gian qua và cho những năm tiếp theo. Có thể hy vọng rằng, trong thời gian tới, cả hai nước sẽ tiếp tục phát huy điểm đồng, phát huy quan hệ hữu nghị truyền thống để thúc đẩy quan hệ song phương phát triển hơn nữa, tương xứng với tiềm năng và vị thế của hai nước trong khu vực và trên thế giới.

## Tài liệu tham khảo

1. European Commission (2015), *The trade part of the EU-Ukraine Association Agreement becomes operational on 1 January 2016*, Brussell 31/12/2015.

2. European Union (EU) 1998, “Partnership and Cooperation Agreement between the European Communities and their Member States, and Ukraine”, *Official Journal of the European Communities*.

3. Міністерство закордонних справ України (2021), *Меркель, Макрон и Путин обсудили Донбасс, Зеленского не пригласили*, 31 марта 2021 <https://ru.slovoidilo.ua/2021/03/31/novost/mir/merkel-makron-i-putin-obsudili-donbass-zelenskogo-ne-priglasili>.

4. Nguyễn An Hà & Vũ Thụy Trang (Chủ biên) (2020), *Điều chỉnh chính sách đối ngoại của Liên bang Nga từ sau cuộc khủng hoảng Ucraina và những tác động*, NXB Khoa học Xã hội.

5. Nguyễn Anh Tuấn (2021), “Những thay đổi trong chính sách đối ngoại của Ukraine từ khi độc lập đến nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu*, số 8 (251), 2021.

6. Nguyễn Anh Tuấn (2021), Dự án “Dòng chảy phương Bắc 2”: Bài toán trong chính sách của Mỹ đối với khu vực châu Âu, *Tạp chí Công sản online* ngày 28/4/2021 tại <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/the-gioi-van-de-su-kien/-/2018/821830/du-an-%E2%80%9Cdong-chay-phuong-bac-2%E2%80%9D--bai-toan-trong-chinh-sach-cua-my-doi-voi-khu-vuc-chau-au.aspx>

7. Nguyễn Anh Tuấn (2015), “Kinh tế Nga 2015: Đường ra khỏi suy thoái”, *Tạp chí*

*Nghiên cứu quốc tế*, số 100, tháng 3/2015.

8. Parliamentary Assembly of Council of Europe-PACE (1995), *Application by Ukraine for membership of the Council of Europe*, PACE-Opinion 1995.

9. Vahabov Tamerlan (2010), *Ukraine: A challenge for US, EU & NATO Regional Policy*. *Caucasian Review of International Affairs*, Columbia University. Vol 4 (3)-Summer 2010.

10. Vũ Dương Huân (2004), “Bầu cử Tổng thống ở Ucraina”. *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, số 3/2004.

11. Vũ Dương Huân (2006), “Bầu cử Quốc hội ở Ucraina và triển vọng tình hình Ucraina sau bầu cử”. *Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu*, số 3/2006.

12. Vũ Dương Huân (2005), “Cộng đồng người Việt Nam tại Ucraina, nhân tố quan trọng trong quan hệ giữa hai nước từng bước hội nhập vào xã hội sở tại”. *Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu*, số 3 (63) 2005.

13. Vũ Dương Huân (2006), “Đôi điều về Ucraina một thị trường đầy tiềm năng của Việt Nam”. *Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu*.

14. Vũ Dương Huân (2004), “Hợp tác giáo dục Việt Nam-Ucraina: Một năm nhìn lại. *Tạp chí Nhân sự*”, *Học viện Nhân sự quốc tế*, số 7/2004 (tiếng Nga).

15. Vũ Dương Huân (2004), “Lại bàn về cải cách chính trị tại Ucraina”. *Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu*, số 2/2004.